

VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NỮ

Giáo sư. LÊ THI

Chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu phụ nữ

Của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam

NGUỒI lao động, là yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất xã hội. Để thực hiện được các mục tiêu cơ bản của chiến lược kinh tế - xã hội ở chặng đường đầu tiên đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng xây dựng chiến lược con người, nhằm phát huy khả năng lao động, trí tuệ sáng tạo của quần chúng nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ chiếm 1/2 dân số xã hội và là một lực lượng lao động hết sức quan trọng. Vì vậy, khi bàn về chiến lược con người, đặc biệt về những chính sách đối với những người lao động, không thể không nói đến người lao động nữ, với những ưu điểm và nhược điểm của họ. Những chính sách xã hội cần được bổ sung và hoàn thiện để phát huy tốt hơn tiềm năng của lực lượng lao động nữ.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN SUY NGHĨ

1. Vấn đề tăng dân số và tăng nguồn lao động nữ.

Những năm qua, ở nước ta, nguồn lao động xã hội tăng cùng với tỷ lệ tăng dân số nhanh, từ 1981- 1985, mỗi năm tăng thêm gần 1 triệu lao động, trong đó hơn 50% là nữ.

Số chị em có trình độ trung học trở lên là 2,74% trong tổng số lao động toàn xã hội và 59% so với tổng số lao động cùng trình độ. Nữ công nhân kỹ thuật là 37,5% trong tổng số công nhân kỹ thuật, 65 đến 70% nữ công nhân là thợ bậc 1 đến bậc 3. Bậc cao với nữ là cá biệt. Sức khỏe của phụ nữ giảm nhanh hơn nam. Họ sớm phải ra khỏi dây chuyền sản xuất vì mất sức, bị sút cân phổ biến và bệnh nghề nghiệp tăng.

Như vậy, số lượng lao động nữ tăng nhanh trong 10 năm qua, nhưng chất lượng thấp hơn so với nam, và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (1)

2. Tình hình phân bố, sử dụng lực lượng lao động nữ.

Phụ nữ chưa có việc làm tăng lên. Số lao động nữ chưa có việc làm chiếm 57,6% số người thất nghiệp. Trong số nữ thanh niên chưa có việc làm thì chỉ 5,3% có nghề, còn 94,7% chưa biết một nghề nào (do học tập bỏ dở, thi trượt lên lớp 10 hay vào đại học) (2).

Đến năm 1985, lực lượng lao động nữ tập trung ở khu vực sản xuất vật chất (93,9%) so với tổng số lao động nữ. Trong đó phân bố vào ngành nông nghiệp là 72%, tiểu thủ công nghiệp là 60%, trong công nghiệp và các cơ quan Nhà nước (nữ công nhân viên chức) là 45%. Những khâu cơ giới thấp, đại bộ phận nữ làm thủ công nặng nhọc. Tỷ lệ nữ trong kinh tế tập thể là 56,3%, trong kinh tế cá thể là 56%.

Một lực lượng lao động nữ khá đông phân phối đến miền biên giới xa xôi, xây dựng gia đình khó khăn, vì bố trí cơ cấu lao động nam nữ chưa cân đối và hợp lý. Trong khu vực Nhà nước, còn phân bố nhiều lao động nữ ở các khâu nặng nhọc chưa qua đào tạo và có độc hại.

Tình trạng công cụ lao động thiếu, lại không phù hợp với đặc điểm cơ thể, sinh lý và nhân trắc phụ nữ. Điều kiện lao động nhiều nơi vượt xa tiêu chuẩn cho phép về độc hại.

Các dịch vụ xã hội chưa giảm nhẹ được công việc bấp bực cho người phụ nữ. Đồng thời việc thực hiện các chính sách, chế độ riêng cho phụ nữ chưa được quán triệt và thống nhất.

Qua tình hình trên, thấy bộc lộ rõ các vấn đề và mâu thuẫn sau đây : lao động nữ tham gia sản xuất lao động xã hội ở mức cao, nhưng việc sử dụng sức lao động nữ còn theo kinh nghiệm chủ nghĩa, chưa có công trình nghiên cứu cấp Nhà nước về vấn đề này.

Gần 60 % lao động nữ được phân bố vào khu vực kinh tế tập thể và cá thể song sự chú ý của Nhà nước đối với người lao động nữ ở các khu vực này còn quá ít. Đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, lao động nữ chiếm từ 60-70% nhưng việc nghiên cứu tình hình và đề xuất các chính sách cần thiết cho lao động nữ còn chưa đúng tầm cần thiết, khu vực tiểu thủ công nghiệp những năm tới lại là một trọng điểm thu hút lao động nữ.

Tuy nhiên, việc giải quyết các vấn đề của người lao động nữ trong tình hình nước ta hiện nay không tách rời các vấn đề chung của toàn xã hội, các vấn đề kinh tế - xã hội nóng hổi của chặng đường đầu tiên đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo chúng tôi, những đề chung của người lao động cần tập trung giải quyết là :

- Vấn đề việc làm, việc làm đầy đủ cho mỗi người lao động, nam và nữ.
- Vấn đề tăng năng suất lao động xã hội.

- Vấn đề đời sống người lao động (tiền công, tiền lương, công điểm).
- Điều kiện lao động (bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội).
- Vấn đề giảm tỷ lệ tăng dân số.

Nhưng ngoài những vấn đề chung, rõ ràng có những vấn đề có tính chất đặc thù của lao động nữ cần chú ý là : giúp đỡ người lao động nữ có khó khăn trong việc đồng thờ phải làm hai chức năng : tham gia sản xuất, công tác và sinh đẻ, nuôi con nhỏ, lao động gia đình. Điều này có liên quan đến cách tổ chức lao động và tổ chức dịch vụ xã hội, việc phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình, việc giảm nhẹ nghĩa vụ đi dân công cho phụ nữ v.v... Vấn đề các bà mẹ cô đơn ở nước ta sau 30 năm chiến tranh, mức độ khó khăn vất vả dồn lên vai người phụ nữ cần có sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước và xã hội.

Tuổi nghề nghiệp quá ngắn của lao động nữ cần được báo động, một số bệnh nghề nghiệp mãn tính đang có chiều hướng phát triển.

Trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật nghề nghiệp của phụ nữ nói chung tốc độ tăng chậm, phát triển kém nam và không đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chuyên môn chủ nghĩa xã hội. Vấn đề này có liên quan đến chính sách đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho phụ nữ, phân bố sử dụng hợp lý hơn sức lao động nữ. Đó là những điều kiện cần thiết để nâng cao sự hưởng thụ văn hóa, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho chị em.

Vấn đề phân bố, sử dụng lao động cần theo hai hướng : về chiều rộng, nhằm bố trí, sắp xếp cho phụ nữ đến tuổi lao động có việc làm; về chiều sâu là vấn đề năng suất lao động. Hai hướng này bổ sung, hỗ trợ cho nhau, không thể chỉ tạo việc làm mà sản xuất không có lãi, năng suất quá thấp.

II. MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT

Việc giải quyết các vấn đề của người lao động nữ có liên quan đến nhiều chính sách xã hội quan trọng, đặt trong mối quan hệ tác động ảnh hưởng lẫn nhau :

- 1. Phân đấu hạ chỉ tiêu tăng tự nhiên dân số xuống dưới 1,7% để bảo vệ sức khỏe, tăng thời gian nghỉ**

ngơi, học tập cho lao động nữ, tăng mức sống vật chất nói chung cho cả gia đình.

2. Giải quyết việc làm cho lao động nữ, đặc biệt cho nữ thanh niên đến tuổi lao động, chú ý các thành phố, thị xã.

Chúng ta cần có quan niệm đúng về việc làm : không phải chỉ vào biên chế Nhà nước mới là có việc làm. Mọi công việc lao động, sản xuất hay dịch vụ mang lại lợi ích trực tiếp hay gián tiếp cho công cuộc xây dựng là bảo vệ Tổ quốc, không vi phạm pháp luật Nhà nước xã hội đều gọi là việc làm. Về khái niệm nghề nghiệp cũng phải rõ hơn. Đó là tất cả mọi việc làm có thao tác ổn định và truyền cho người khác được : trên cơ sở các thao tác đó, có thể cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc đều gọi là nghề.

Về phương hướng giải quyết việc làm thì chủ yếu là : mở mang các ngành nghề ở các cơ quan sản xuất, chủ yếu là tiểu công nghiệp, các loại dịch vụ có tổ chức, đặc biệt ở các thành phố, thị xã. Tăng thêm lao động cho thâm canh cây trồng, vật nuôi trong giới hạn hiệu quả còn cho phép phát triển trong nông nghiệp. Tổ chức các tổ hợp sản xuất, phát triển kinh tế gia đình đúng hướng. Tổ chức gia công tại gia đình các chi tiết sản phẩm hoặc hoàn chỉnh một sản phẩm. Có chính sách khuyến khích tư nhân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa tiêu dùng.

Tổ chức các đội thanh niên xung phong, nhận khoán một số việc sản xuất và dịch vụ.

Tuyển lựa bổ sung vào các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước (rất ít). Đưa đi các vùng kinh tế mới và đưa đi lao động hợp tác với nước ngoài.

3. Mở rộng sự phân công lao động và đẩy mạnh sự phân bố lại lao động nữ trên phạm vi cả nước

Trước hết, sự phân bố lao động nữ theo ngành kinh tế. Theo dự báo, đến năm 1990, tỷ trọng lao động nông lâm nghiệp chiếm trên 62%. Tỷ trọng nữ trong nông nghiệp vẫn chiếm trên 50%. Vì vậy, hướng chính thu hút lao động nữ vào sản xuất xã hội vẫn tập trung ở vùng nông thôn, trong sản xuất nông nghiệp. Đầu tư thêm lao động để thâm canh tăng vụ và mở rộng diện tích trồng trọt, tăng vòng quay của đất từ 1,25 đến 1,5 lần và mở diện tích trên 60-80 vạn ha, sử dụng đầy đủ quỹ thời gian lao động trong năm từ 210 ngày công/năm lên 270-280 ngày công/năm.

Trong công nghiệp, lao động nữ được phân bố vào các ngành công nghiệp lớn không đáng kể mà chủ yếu sử dụng lao động nữ để phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ xã hội, làm hàng tiêu dùng và xuất khẩu (lưu ý ở các thành phố, thị xã, nhiều nữ thanh niên chưa có việc làm). Phát triển tiểu thủ công nghiệp theo hướng gia công tại nhà, sử dụng thời gian linh

hoạt để phụ nữ vừa lao động vừa nuôi dạy con nhỏ. Có thể đưa lao động tiểu thủ công lên 3 triệu người, trong đó phần lớn là nữ. Có chính sách mở rộng việc dạy nghề và khuyến khích những người giỏi nghề, những nghệ nhân, kể cả ở khu vực cá thể, phát triển các cơ sở nguyên liệu, nhập nguyên vật liệu và xuất thành phẩm để phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Thứ hai là sự phân bố lao động nữ theo thành phần kinh tế.

Trong thời kỳ quá độ ở nước ta, theo quy luật chung là quy mô, tốc độ phát triển kinh tế quốc doanh sẽ tăng nhanh, những lao động chỉ tăng có mức độ (tăng chậm hơn). Do đó, lao động tập thể vẫn tăng nhanh, chiếm tỷ trọng lớn. Lao động tư nhân (cá thể tiểu chủ) giảm dần, nhưng còn có ý nghĩa đáng kể. Lao động kinh tế gia đình đa dạng phong phú và còn phát huy tác dụng lâu dài, về tỷ trọng có thể tăng thêm. Vì vậy, việc phân bố lao động nữ sắp tới chủ yếu là vào khu vực tập thể (hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp), việc phân bố vào khu vực quốc doanh chủ yếu với lao động nữ đã qua đào tạo ở các trường chuyên nghiệp hay công nhân kỹ thuật, nhưng không lớn.

Kinh tế gia đình ở nông thôn và thành thị là một trong những hướng thu hút được nhiều lao động nữ. Cần xác định rõ vị trí lao động nữ làm kinh tế gia đình và nội trợ, coi đó là việc làm ổn định và thường xuyên, vì lao động đó có ích và có thu nhập. Cần hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình đúng hướng, có chính sách huy động vốn đầu tư, có chính sách gia công và thu mua thỏa đáng.

Hạn chế mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của kinh tế tư nhân, thể chế hóa các chính sách lao động, khuyến khích tư nhân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, thu hút lao động (cho phép thuê công nhân).

Thứ ba là sự phân bố lao động nữ theo vùng lãnh thổ.

Phương hướng chính những năm 1986-1990 là thực hiện một bước phân bố lại lao động trong phạm vi huyện, tỉnh và địa bàn cả nước. Di dân nội vùng (nội huyện, nội tỉnh) là chủ yếu (65-70%). Hướng cơ bản, chiến lược là đưa dân từ vùng đồng bằng sông Hồng lên vùng Tây Nguyên. Cần phân bố lại ít nhất 4,5 triệu nhân khẩu, 75 vạn lao động với sự tính toán cân đối các điều kiện vật tư, tiền vốn, yêu cầu sản xuất. Việc phân bố lao động theo vùng chủ yếu vẫn là dưới hình thức di dân nông nghiệp – nông thôn. Nhà nước cần quan tâm đúng mức đến những vấn đề xã hội của lao động nữ ở vùng kinh tế mới (cân đối cơ cấu lao động theo giới tính, lứa tuổi, phát triển các cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, v.v...).

4. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, ngành nghề. Nâng cao trình độ kiến thức và hướng nghiệp đúng đắn cho lao động nữ.

Vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng năng suất xã hội, phát huy được tốt khả năng, trí tuệ người lao động nữ đóng góp cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời tạo sự bình đẳng thật sự giữa nam và nữ trong lao động và hưởng thụ vật chất, tinh thần, cho phép phụ nữ tham gia tích cực vào quá trình phát triển khoa học – kỹ thuật, ngày càng giảm số phụ nữ làm lao động nặng nhọc, giản đơn, lương thấp.

Trước hết, cần quan tâm đến công tác hướng nghiệp cho nữ thanh niên từ khi học ở các trường phổ thông cấp 2, cấp 3, để họ chuẩn bị tư tưởng bước vào lao động và có ý thức chọn nghề đúng đắn, vì trong thực tế nước ta, 2/3 số nữ sinh sẽ phải làm việc và chỉ gồm 1/3 có khả năng học tiếp lên đại học và trung học chuyên nghiệp.

Cần tổ chức tốt học nghề, đi trước một bước hay gắn với quá trình tìm việc làm cho nữ thanh niên. Các hệ thống trường dạy nghề còn ít, rời rạc, nặng tính bao cấp. Nhà nước cần đầu tư thêm vào việc dạy nghề, coi như một khâu hết sức cơ bản để có thể sử dụng được sức lao động dư thừa và có khả năng suất. Cần phát triển dạy nghề dưới nhiều hình thức : Lớp do Nhà nước mở, lớp do Nhà nước và nhân dân cùng làm, lớp do tư nhân mở ; trường lớp bên cạnh cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã do cơ sở đó mở, phục vụ ngay cho việc tuyển người của mình. Những người được tuyển lựa vào xí nghiệp, cơ quan phải có nghề và qua tuyển lựa, sát hạch theo luật lệ ban hành.

Cũng cần phát triển và khuyến khích các nghề truyền thống của gia đình, có chính sách khuyến khích các nghệ nhân truyền nghề cho lớp trẻ. Cần giúp các nghệ nhân, các cá nhân viết thành quy trình nghề nghiệp để truyền cho người khác. Hằng năm, các trung tâm sản xuất tổ chức thi tay nghề ở các trình độ khác nhau, do đó căn cứ kết quả và cấp chứng nhận hành nghề và khen thưởng.

Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghề nghiệp cho nữ công nhân, kể cả việc đào tạo lại số chị em cần chuyển nghề, phải được chú ý làm thường xuyên, đặc biệt quan tâm tạo những điều kiện thuận lợi cho họ theo lớp học dễ dàng, trong hoàn cảnh vừa lao động, vừa học, vừa nuôi con nhỏ.

Mặt khác, để đảm bảo cho phụ nữ tham gia vào các ngành nghề cần thiết, phát huy được khả năng và phù hợp với sức khỏe, đặc điểm tâm sinh lý của họ, cần xác định tỷ lệ tuyển nữ sinh vào các trường đại học và trung học chuyên nghiệp một cách thích hợp (dựa trên cơ sở nghiên

cứu khoa học) tỷ lệ tuyển lao động nữ vào các cơ quan, ngành nghề và thực hiện đúng những điều đã quy định.

Việc nâng cao kiến thức văn hóa, khoa học, nghệ thuật cho lao động nữ một cách thường xuyên là một vấn đề hết sức đáng lưu ý. Hiện nay, sự hưởng thụ văn hóa của số đông chị em, đặc biệt ở nông thôn, các nông lâm trường rất thấp, hạn chế việc phát huy khả năng sáng tạo trí tuệ cũng như việc xây dựng nhân cách người phụ nữ mới về mặt đạo đức, tình cảm, tâm lý. Vấn đề này vừa phụ thuộc vào việc phát triển văn hóa – nghệ thuật trong quần chúng, đặc biệt ở nông thôn, phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, vừa liên quan đến việc cải thiện điều kiện lao động giảm cường độ lao động và gánh nặng công việc gia đình cho phụ nữ, phát triển các dịch vụ cần thiết.

5. Việc sắp xếp lại thời gian làm việc, chế độ làm việc cho phụ nữ hợp lý hơn.

Ở một số nước xã hội chủ nghĩa đã thực hiện chế độ làm việc $\frac{1}{2}$ ngày hay làm một số ngày trong tuần

cho phụ nữ đang có con nhỏ, hoặc rút giờ làm việc trong một số ngày (tất nhiên ở những khâu công việc cho phép, không ảnh hưởng cả dây chuyền sản xuất, v.v...). Vì vậy, chúng ta cũng cần nghiên cứu áp dụng các hình thức tổ chức làm việc linh hoạt hơn đảm bảo cho người phụ nữ vừa nuôi con nhỏ vừa có điều kiện thuận lợi để có thể làm việc tập trung, nâng suất cao hơn. Nên mở rộng hình thức giao việc làm tại nhà ở những khâu, những công đoạn sản xuất cho phép.

Việc thực hiện chế độ đi dân công 1 tháng đối với phụ nữ cần giảm bớt, trước hết với các bà mẹ có con dưới 7 tuổi (hiện nay chỉ tạm miễn cho phụ nữ nuôi con dưới 1 năm), tiến tới xóa bỏ hoàn toàn cho phụ nữ vì họ đã phải chịu gánh nặng công việc gia đình.

6. Vấn đề nghiên cứu về giới tính và giáo dục giới tính.

Hiện nay, do ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, tệ phân biệt đối xử giữa nam và nữ còn đang tác động đến cả hai giới và hậu quả tai hại của nó thường chính người phụ nữ phải gánh chịu (ví dụ tâm lý muốn nhiều con, muốn có con trai, tư tưởng đánh giá lao động nữ kém nam, v.v...). Sự thiếu hiểu biết về đặc điểm giới tính, những quy luật đặc thù về sự phát triển tâm sinh lý phụ nữ, hoặc sự nhận thức máy móc về quyền bình đẳng nam nữ đã gây nên tình trạng bố trí cơ cấu lao động không hợp lý, mất cân đối giới tính, hay sắp xếp phụ nữ làm công việc quá nặng nhọc, độc hại, hoặc không muốn nhận phụ nữ vào làm việc, v.v... Trong tình yêu, hôn nhân, gia đình đang có nhiều biểu hiện lệch lạc trong lớp trẻ vì ít có sự hiểu biết về giới tính, về cách xử thế phù hợp với giới tính và những chuẩn mực đạo đức xã hội cần thiết. Thần

quyền, giáo lý, mê tín, dị đoan đang còn nhiều tác động vào tâm lý, tình cảm nữ thanh niên hiện nay.

Vì vậy, cần đẩy mạnh việc tổ chức phối hợp nghiên cứu lý luận với điều tra cơ bản về những đặc điểm giới tính (tâm lý, y sinh học, xã hội học, v.v...) trên nhiều đối tượng, có kết hợp với tham khảo tài liệu nước ngoài, hình thành hệ thống tri thức thống nhất, soạn thảo nội dung chương trình cho từng loại đối tượng và đưa ra những kiến nghị cần thiết.

7. Giải quyết vấn đề lao động nữ từ góc độ gia đình

Vấn đề gia đình là một lĩnh vực cơ bản của cuộc sống xã hội, có ảnh hưởng trực tiếp đến lao động xã hội nói chung, đến người phụ nữ nói riêng. Vai trò chức năng chị em với tư cách người mẹ, người vợ rất quan trọng, đồng thời cũng hết sức nặng nề cần nghiên cứu giảm nhẹ gánh nặng công việc gia đình cho phụ nữ.

- a) Phát triển các công trình phúc lợi công cộng, các dịch vụ xã hội phục vụ đời sống gia đình (như hệ

thống cung cấp thực phẩm, chất đốt thuận lợi, chế biến thức ăn làm sẵn, hàng tiêu dùng thích hợp với yêu cầu các gia đình và túi tiền của họ v.v...). Tổ chức các dịch vụ xã hội có thể dưới hình thức của Nhà nước và của hợp tác xã, của tư nhân, nhưng chủ yếu là nhằm phục vụ, việc tính lãi cần có mức độ hợp lý. Công tác dịch vụ nhằm biến việc nội trợ gia đình trở thành nội trợ của thành phố của xã hội, trong đó có vai trò người phụ nữ và cả nam giới tham gia làm.

Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo. Nhà nước, xí nghiệp hợp tác xã cần đầu tư vào việc xây dựng, cung cấp phương tiện nuôi dạy các cháu tốt hơn, coi như trọng điểm ưu tiên của quỹ phúc lợi công cộng. Xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh không phải là xóa bỏ trợ cấp cho các nhà trẻ, mẫu giáo, vì đây là chính sách xã hội hàng đầu của chủ nghĩa xã hội. Nhà nước cần dành ưu tiên cho trẻ em một số mặt hàng lương thực, thực phẩm rẻ hơn. Cần có chính sách lương bổng, đãi ngộ đúng với các cô nuôi dạy trẻ (có chế độ nghỉ hè, quần áo bảo hộ lao động). Ở nông thôn, các cô nuôi dạy trẻ cần được hưởng công loại A và miễn nghĩa vụ đi dân công, người phụ trách nhà trẻ được hưởng chế độ cán bộ xã.

- b) Để tạo điều kiện cho phụ nữ vừa lao động vừa chăm sóc con cái, cần mở rộng hình thức giao việc làm tại nhà ở những khâu và loại công việc ngành nghề cho phép. Từng bước hợp lý hóa gia đình, tạo điều kiện cho hai vợ chồng sống gần nhau để cùng chăm sóc con cái, gia đình. Tuyên truyền giáo dục, xây dựng mô hình gia đình hạnh phúc,

có sự phân công lao động hợp lý giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái để đảm nhiệm công việc nội trợ gia đình.

8. Việc kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động nữ, tổ chức nghiên cứu vấn đề phụ nữ.

Theo chúng tôi, ở các cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước cấp trung ương, các bộ, ngành ở các

tỉnh cần có chuyên viên hay bộ phận theo dõi việc thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành đối với lao động nữ, kịp thời đề xuất những ý kiến bổ sung, sửa chữa kịp thời.

Vấn đề lao động nữ giữ một vị trí hết sức quan trọng trong chiến lược con người của Đảng và Nhà nước ta, nhằm phát huy được khả năng và vai trò của họ, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy cần phải có những phương hướng chiến lược lâu dài 5, 10 năm với vấn đề lao động nữ, có những chính sách xã hội cơ bản và đúng đắn, vừa lâu dài vừa cấp bách đối với người phụ nữ dựa trên những cơ sở nghiên cứu khoa học liên ngành, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, kết hợp lý luận với điều tra khảo sát thực tiễn. Do đó, việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về người phụ nữ và thành lập Trung tâm nghiên cứu khoa học về phụ nữ là hết sức cần thiết.

III.KẾT LUẬN

Chính sách xã hội, như Đại hội Đảng lần thứ VI đã chỉ rõ, bao trùm mọi mặt cuộc sống con người : điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình và dân tộc. Cần có sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội. Bởi lẽ chính sách đối với người lao động có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Do đó, chúng tôi tin tưởng rằng việc thực hiện kịp thời một số chính sách cấp bách đối người lao động nữ là phương hướng hết sức đúng đắn để phát huy tiềm năng của họ, đẩy mạnh sản xuất, đồng thời thực hiện được mục đích cao cả của mọi hoạt động trong xã hội ta là phục vụ con người, vì hạnh phúc của phụ nữ và trẻ em.